

Luật số: /2025/QH

Dự thảo

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2021/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 9, khoản 11 và bổ sung khoản 10b sau khoản 10 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Cơ sở dữ liệu thống kê là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Điều tra thống kê là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi cuộc điều tra.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Điều tra viên thống kê là người được cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra thống kê trưng tập, huy động, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện, hướng dẫn việc thu thập thông tin của cuộc điều tra thống kê.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

“11. Hoạt động thống kê là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công

bổ; phổ biến và lưu trữ; đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.”.

đ) Bổ sung khoản 10b sau khoản 10 như sau:

“10b. *Hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng* gồm các chỉ tiêu thống kê có tính chất tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ đánh giá, giám sát việc thực hiện pháp luật chuyên ngành, chiến lược, chính sách, chương trình, mục tiêu quốc gia.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 như sau:

“b) Bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 14 như sau:

“b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực thực hiện, cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4 và bổ sung khoản 2a trước khoản 2 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành là tập hợp các chỉ tiêu thống kê do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành để thu thập thông tin thống kê hình thành hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do:

a) Bộ, ngành đó thực hiện;

b) Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan được phân công thực hiện theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực thực hiện cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành.”.

d) Bổ sung khoản 2a trước khoản 2 như sau:

“2a. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành phụ trách và hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.

2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã là cơ sở phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê ở từng cấp và trong việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành, chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã được xây dựng phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Tổng điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

a) Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra chủ yếu, kỳ điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

b) Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các bộ, ngành xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra thống kê, phương án điều tra, dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc điều tra thống kê.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thẩm quyền quyết định tiến hành điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.

c) Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương quyết định tiến hành điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê phân công Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 1 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tiến hành các cuộc điều tra thống kê quy định tại điểm a1, a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiến hành các cuộc điều tra thống kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”.

b) Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 1 như sau:

“a1) Tổng điều tra thống kê quốc gia theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29;”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm g khoản 2 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Thời điểm, thời kỳ, thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

“g) Quy trình xử lý thông tin, tổng hợp kết quả điều tra;”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau:

“3. Nội dung thẩm định gồm mục đích, phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; thời điểm, thời kỳ, thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra; nội dung, phiếu điều tra và phân loại thống kê sử dụng trong điều tra.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 như sau:

“c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê về thông tin đã cung cấp.”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:

“a) Thực hiện, hướng dẫn thu thập thông tin theo đúng phương án điều tra thống kê và hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra thống kê;”.

14. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 40 như sau:

“c) Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 42 như sau:

“a) Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan; tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khác của bộ, ngành; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực;”.

16. Bổ sung Điều 42b sau Điều 42 như sau:

“Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

1. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý trên địa bàn.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã gồm:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực; cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan thuế cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan khác trên địa bàn cấp xã;

b) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.

17. Sửa đổi, bổ sung tên chương V như sau: “Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước”.

18. Sửa đổi, bổ sung tên điều, khoản 1 và khoản 3 Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 51. Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước gồm:

a) Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước;

b) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; kết nối cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và địa phương để cung cấp, cập nhật thông tin;

c) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

d) Phần mềm ứng dụng, phần mềm nền tảng;

đ) Các phương tiện, phương pháp thu thập, xử lý, tích hợp, phân tích và phổ biến thông tin tiên tiến.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức, điều phối hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thống nhất, bảo đảm đồng bộ hóa, tin học hóa, quy trình hóa trong hoạt động thống kê nhà nước. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê của bộ, ngành, địa phương.”.

19. Bổ sung Điều 51b sau Điều 51 như sau:

“Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia là tập hợp các dữ liệu thống kê, thông tin thống kê, thông tin thống kê từ các cơ sở dữ liệu liên quan trên phạm vi toàn quốc được kết nối, tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, quản lý tập trung và vận hành thống nhất.

2. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và cập nhật; bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu thống kê được phân công.

3. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được cập nhật định kỳ từ các nguồn: điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, địa phương và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; bảo đảm tính chuẩn hóa, thống nhất, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu thống kê của bộ, ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia. Khi kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật.”.

20. Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 2 Điều 53 như sau:

“a1) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 62 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan thống kê trung ương là cơ quan thống kê quốc gia thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức thực hiện hoạt động thống kê; điều phối hoạt động thống kê; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định; thực hiện vai trò trung tâm kết nối, tích hợp, quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của cấp xã; phối hợp, thực hiện điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước.”.

23. Thay thế Điều 8 như sau:

“Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê

1. Kiểm tra chuyên ngành thống kê là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật về thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về thống kê.

2. Kiểm tra chuyên ngành thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.”.

24. Thay thế Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã

1. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đơn vị hành chính cấp xã.

2. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã gồm:

a) Thông tin thống kê do cơ quan thống kê cơ sở thực hiện.

b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, cơ quan thuế cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở và các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở tổng hợp.

3. Người đứng đầu cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã.

Người đứng đầu cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm quản lý thông tin thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.”.

25. Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 44.

26. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại điểm d khoản 2 Điều 48 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15), khoản 3 Điều 52; khoản 2 Điều 59;

b) Bãi bỏ cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tại đơn vị hành chính cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 15;

c) Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cấp xã” tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 42;

d) Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cấp cơ sở” tại khoản 4 Điều 62;

đ) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 7; khoản 3 Điều 13; khoản 6 Điều 17 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15); khoản 4 Điều 24; khoản 2 Điều 28; khoản 3 Điều 50; khoản 3 Điều 52; khoản 3 Điều 60, khoản 2 Điều 62;

e) Thay thế cụm từ “20 ngày” thành “10 ngày, trong trường hợp có nội dung phức tạp, thời gian thẩm định không quá 20 ngày” tại khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 43.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
khóa , Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn